



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 55

Ngày 01 tháng 10 năm 2013

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 10-9-2013 - Quyết định số 35/2013/QĐ-UBND ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố Hồ Chí Minh. 3

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

- 27-8-2013 - Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện huyện Củ Chi. 22
- 27-8-2013 - Quyết định số 04/2013/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp huyện Củ Chi. 35
- 11-9-2013 - Quyết định số 05/2013/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đài Truyền thanh huyện Củ Chi. 45

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

11-9-2013 - Quyết định số 4930/QĐ-UBND phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015.

55

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 35/2013/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ,
công chức, viên chức của Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 673/TTr-SNV ngày 20 tháng 8 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức
của Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 35/2013/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Đối tượng áp dụng:

- a) Cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan Nhà nước của thành phố, quận - huyện;
- b) Cán bộ, công chức xã - phường, thị trấn;
- c) Những người hoạt động không chuyên trách ở xã - phường, thị trấn; những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu vực;
- d) Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và xã;
- đ) Viên chức làm việc theo hợp đồng không xác định thời hạn trong các đơn vị sự nghiệp công lập;
- e) Các đối tượng khác thực hiện đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu của Ban Thường vụ Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố (nếu có);

Sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức.

2. Phạm vi áp dụng:

- a) Quy chế này được áp dụng cho tất cả các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được cử đi học các lớp đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa, nâng cao năng lực chuyên môn phục vụ nhiệm vụ đang đảm nhận và vị trí công tác, sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước;

b) Đối với công chức đang thực hiện chế độ tập sự; cán bộ quản lý doanh nghiệp và các hội khi tham gia vào các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hội nhập, kinh tế quốc tế chuyên sâu do các cơ quan nhà nước tổ chức đào tạo ở trong nước được áp dụng một số điều của Quy chế này;

c) Các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đi học không thuộc kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan, đơn vị, thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét giải quyết tùy theo tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị; kinh phí do cá nhân tự túc.

Điều 2. Mục tiêu, nguyên tắc trong công tác đào tạo, bồi dưỡng

1. Mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng:

Nhằm cập nhật kiến thức, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng và phương pháp thực hiện nhiệm vụ được giao; trang bị kiến thức về lý luận chính trị, quản lý hành chính nhà nước, chuyên môn, nghiệp vụ nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thành thạo về chuyên môn, nghiệp vụ, có đủ năng lực xây dựng nền hành chính tiên tiến, hiện đại.

2. Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng:

a) Công tác đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào: vị trí việc làm; yêu cầu quản lý theo tiêu chuẩn của từng chức vụ lãnh đạo, quản lý; tiêu chuẩn của ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; quy hoạch, kế hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị đáp ứng được yêu cầu phát triển cơ quan, đơn vị trong tương lai và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng trong phát triển nghiệp vụ của cán bộ, công chức, phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao;

b) Bảo đảm tính tự chủ của cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng; kết hợp cơ chế phân cấp và cơ chế cạnh tranh trong tổ chức đào tạo, bồi dưỡng;

c) Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả trong quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

d) Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức học tập, nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; đề cao vai trò tự học và quyền của cán bộ, công chức, viên chức trong việc lựa chọn chương trình bồi dưỡng theo vị trí việc làm;

đ) Đảm bảo thực hiện đúng chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 33 Luật Viên chức và Điều 4 Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức (gọi

tất là Nghị định số 18/2010/NĐ-CP), chế độ đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị theo quy định của cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Tiêu chuẩn và điều kiện để cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Các tiêu chuẩn chung:

Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải đảm bảo:

a) Đã được bổ nhiệm chính thức vào ngạch công chức (đối với công chức), hợp đồng dài hạn (đối với viên chức), trong biên chế hoặc tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (đối với cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã); có trình độ chuyên môn phù hợp với nội dung, chương trình của khóa đào tạo, bồi dưỡng; chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp và phải gắn với quy hoạch, kế hoạch sắp xếp, bố trí, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức của từng cơ quan, đơn vị;

b) Có đủ sức khỏe tham dự khóa học, có trình độ đáp ứng yêu cầu tuyển sinh của cơ sở đào tạo. Cam kết tham dự khóa đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện phục vụ nhiệm vụ, công vụ sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo với thời gian tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Có ít nhất 03 năm liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ đối với trường hợp đi đào tạo và hoàn thành tốt nhiệm vụ năm trước khi được cử đi bồi dưỡng.

d) Không đang trong thời gian xem xét kỷ luật, đình chỉ công tác, đối tượng bị điều tra, trong thời gian thi hành kỷ luật, đang nghỉ theo chế độ chính sách quy định.

2. Các tiêu chuẩn cụ thể:

a) Đối với đào tạo sau đại học:

- Đào tạo sau đại học (Tiến sĩ, Thạc sĩ, Chuyên khoa I - Chuyên khoa II đối với ngành y tế): thực hiện cho tất cả các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức hội đủ các điều kiện, tiêu chuẩn của bậc đào tạo sau đại học;

- Đảm bảo các quy định tại Điều 20 Nghị định số 18/2010/NĐ-CP và Điều 24 Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức (gọi tắt là Thông tư số 03/2011/TT-BNV).

b) Đối với các loại đào tạo, bồi dưỡng còn lại:

Chỉ thực hiện cử đi đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học đối với các trường hợp do cơ quan, đơn vị được tổ chức, sắp xếp lại; công chức đã được bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ lãnh đạo nhưng chưa đáp ứng tiêu chuẩn, trình độ đào tạo theo quy định và phải đạt các điều kiện như sau:

- Đào tạo trình độ đại học: chỉ áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức quận, huyện đang hưởng ngạch lương từ cán sự và tương đương trở lên; cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và cán bộ, công chức, viên chức ở một số ngành nghề đặc thù.

- Tập huấn, bồi dưỡng để nâng cao năng lực, kỹ năng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn: thực hiện cho tất cả cán bộ, công chức, viên chức có đủ các điều kiện theo quy định của cơ sở đào tạo và quy định của Quy chế này.

3. Một số quy định khác:

a) Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo theo các chương trình hợp tác với nước ngoài được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải thực hiện quy định của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế và đáp ứng các yêu cầu của chương trình hợp tác.

b) Đối với việc cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo ở nước ngoài, ngoài việc thực hiện các quy định của thành phố, còn thực hiện các quy định tại Chương III Thông tư số 03/2011/TT-BNV. Không cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài vì mục đích giải quyết chính sách và những người không đảm bảo sức khỏe để tham dự các khóa học;

c) Đối với việc cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo sau đại học tại các chương trình liên kết đào tạo giữa cơ sở đào tạo nước ngoài và cơ sở đào tạo trong nước, phải chú ý chất lượng đào tạo; các chương trình liên kết đào tạo phải được phê duyệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố; việc thẩm định các văn bằng đào tạo để thực hiện các chính sách được thực hiện theo Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp;

d) Các trường hợp đào tạo, bồi dưỡng do yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho việc: thành lập mới, nâng cấp hoặc chia tách đơn vị, đào tạo sau đại học để tạo nguồn cán bộ chuyên môn giỏi hoặc chuyên gia đầu ngành,... sẽ do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định tùy theo tình hình thực tế tại địa phương.

Điều 4. Thẩm quyền ban hành quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định cử công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng đối với:

a) Các chức danh theo phân cấp quản lý của Ban Thường vụ Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố: Đối với cán bộ quản lý ở các cơ quan Nhà nước thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý, nếu thời gian học dưới 03 tháng, Sở Nội vụ trao đổi thống nhất với Ban Tổ chức Thành ủy trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định; nếu thời gian học từ 03 tháng trở lên, cơ quan cử đi học xin ý kiến Ban Thường vụ Thành ủy chấp thuận trước khi đề nghị về Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

b) Cán bộ, công chức, viên chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương;

c) Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng các doanh nghiệp Nhà nước (nếu có);

d) Công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài bằng nguồn ngân sách Nhà nước;

đ) Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố nhưng không thuộc các chức danh nêu trên (nếu có).

2. Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định cử các chức danh còn lại thuộc cơ quan, đơn vị quản lý theo nguyên tắc chung: cấp nào bổ nhiệm các chức danh thì cấp đó quyết định cử đi đào tạo (kể cả các khóa học không sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước).

3. Ngoài các chức danh quy định tại Khoản 1, 2 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện ban hành quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng đối với:

a) Cán bộ chuyên trách, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở phường - xã, thị trấn thuộc phạm vi quản lý;

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

Điều 5. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước; đóng góp của các cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; đóng góp của cá nhân cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng; các nguồn thu hợp pháp theo quy định từ hoạt động sự nghiệp và từ

các nguồn kinh phí do các tổ chức, cá nhân, đơn vị nước ngoài tài trợ theo các chương trình, dự án hợp tác.

Việc quản lý, sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện theo quy định hiện hành.

Chương II

QUẢN LÝ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Mục 1

NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH

Điều 6. Nội dung, chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng và thời gian thực hiện các loại chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 7, Chương II, Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức.

Đối với các đơn vị sự nghiệp, nội dung chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện theo quy định của pháp luật và yêu cầu phát triển đội ngũ viên chức của đơn vị.

Điều 7. Tổ chức biên soạn, thẩm định và điều chỉnh chương trình đào tạo, bồi dưỡng

1. Các chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được biên soạn, tổ chức giảng dạy và quản lý theo quy định tại Điều 8, 9 Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức.

2. Việc tổ chức biên soạn chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 18/2010/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư số 03/2011/TT-BNV.

3. Trường Cán bộ thành phố chủ trì tổ chức biên soạn tài liệu bồi dưỡng như sau:

- Tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch cán sự và tương đương, ngạch chuyên viên và tương đương, ngạch chuyên viên chính và tương đương; tài liệu đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng theo chương trình do Bộ Nội vụ ban hành;

- Phối hợp với các Sở - ban - ngành thành phố biên soạn tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành theo hướng dẫn của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

4. Thẩm định chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng:

- Sở Nội vụ tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thẩm định theo thẩm quyền phân cấp các chương trình, tài liệu bồi dưỡng như sau: tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chuyên ngành; tài liệu bồi dưỡng cập nhật theo vị trí việc làm trước khi đưa vào sử dụng theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ;

- Việc thẩm định chương trình đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy định tại Chương I Thông tư số 03/2011/TT-BNV.

5. Cơ quan biên soạn giáo trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng có trách nhiệm:

- Hướng dẫn sử dụng giáo trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng sau khi có quyết định ban hành sử dụng;

- Tổ chức nghiên cứu, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền cho phép chỉnh lý, bổ sung, hoàn thiện giáo trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

Mục 2

CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 8. Chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

1. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cấp chứng chỉ các chương trình đào tạo, bồi dưỡng được giao thực hiện và theo mẫu thống nhất được Bộ Nội vụ quy định tại Thông tư số 03/2011/TT-BNV.

2. Chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức gồm:

a) Chứng chỉ chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp;

b) Chứng chỉ chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý;

c) Chứng chỉ chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành.

3. Chứng chỉ chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức; chứng chỉ chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý, theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp là một trong những căn cứ khi xem xét điều kiện

bổ nhiệm vào ngạch công chức hoặc bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc để bổ nhiệm, thay đổi chức danh nghề nghiệp của viên chức;

- Chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng (kể cả trong và ngoài nước) là một trong những căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm của cán bộ, công chức, viên chức.

Mục 3

GIẢNG VIÊN VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 9. Giảng viên

1. Giảng viên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức bao gồm: giảng viên của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của các Bộ, ngành Trung ương và của thành phố; người được mời thỉnh giảng hội đủ các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều này; giảng viên nước ngoài (nếu có).

2. Giảng viên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức phải đáp ứng được tiêu chuẩn quy định; có phẩm chất đạo đức, tư tưởng chính trị vững vàng, trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; có kinh nghiệm thực tiễn và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có phương pháp sư phạm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

3. Giảng viên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được hưởng các chế độ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và các chế độ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng

1. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng: Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, chậm nhất vào ngày 01 tháng 11 năm trước.

2. Trường Cán bộ thành phố có nhiệm vụ: Tổ chức thực hiện chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch cán sự, ngạch chuyên viên, ngạch chuyên viên chính và một số chương trình khác theo yêu cầu của các cơ quan, đơn vị.

3. Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng còn lại do Sở Nội vụ tổ chức thực hiện hoặc phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ

sở đào tạo, các tổ chức có chức năng, các Học viện, trường và trung tâm trực thuộc Bộ và cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện theo thẩm quyền và nhiệm vụ được giao.

Điều 11. Các hình thức đào tạo, bồi dưỡng

- Các hình thức cơ bản tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức là tập trung, bán tập trung, vừa làm vừa học, từ xa và tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn.

- Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nghiên cứu lựa chọn hình thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng thích hợp đối với từng đối tượng cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo chất lượng và hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng.

Điều 12. Phương pháp đào tạo, bồi dưỡng

Phương pháp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức là phương pháp đào tạo, bồi dưỡng tích cực; phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động và tư duy sáng tạo của người học; tăng cường hoạt động đối thoại, trao đổi thông tin, kiến thức và kinh nghiệm giữa giảng viên với học viên và giữa các học viên.

Điều 13. Đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng

1. Đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nhằm cung cấp thông tin về mức độ nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ, công vụ của công chức sau khi đào tạo, bồi dưỡng.

2. Đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng phải bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan, trung thực.

3. Nội dung đánh giá:

a) Mức độ phù hợp giữa nội dung chương trình với yêu cầu tiêu chuẩn ngạch, chức vụ lãnh đạo, quản lý, yêu cầu vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp;

b) Năng lực của giảng viên và sự phù hợp của phương pháp đào tạo, bồi dưỡng với nội dung chương trình và người học;

c) Năng lực tổ chức đào tạo, bồi dưỡng của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng;

d) Mức độ tiếp thu kiến thức, kỹ năng của công chức và thực tế áp dụng vào việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

4. Việc đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng do cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng công chức, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc

Chính phủ, Sở Nội vụ, Trường Cán bộ thành phố thực hiện theo quy định hoặc thuê cơ quan đánh giá độc lập.

Mục 4

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN LỢI CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TRONG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 14. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức

1. Cán bộ, công chức, viên chức phải thường xuyên học tập, nâng cao trình độ lý luận; kiến thức, kỹ năng hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và các kiến thức bổ trợ khác theo quy định; thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 35 Luật Viên chức và Điều 4 Nghị định số 18/2010/NĐ-CP.

2. Cán bộ, công chức, viên chức đang giữ chức vụ và thuộc ngạch, chức danh nào đều phải được đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng các tiêu chuẩn trình độ kiến thức quy định cho chức vụ, ngạch và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đó.

3. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải chấp hành tốt nội quy, quy chế và chịu sự quản lý của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian tham gia khóa học và phải đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ học tập quy định tại Khoản 2 Điều 35 Luật Viên chức, Khoản 1 Điều 34 của Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

4. Sau khi kết thúc khóa học, cán bộ, công chức, viên chức phải báo cáo kết quả học tập cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng.

5. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 03/2011/TT-BNV.

6. Cán bộ, công chức, viên chức không chấp hành quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan, cấp có thẩm quyền mà không có lý do chính đáng sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định.

Điều 15. Quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Đối với đào tạo, bồi dưỡng trong nước:

a) Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng được cơ quan quản lý, sử dụng bố trí thời gian và kinh phí theo quy định;

b) Trong thời gian được cử đi dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ, công chức, viên chức được hưởng nguyên lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định;

c) Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo sau đại học trong diện quy hoạch đào tạo, sau khi tốt nghiệp và có bằng được hưởng chế độ hỗ trợ khuyến khích theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố;

d) Được tính thời gian đào tạo, bồi dưỡng vào thời gian công tác liên tục;

đ) Được biểu dương, khen thưởng về kết quả xuất sắc trong đào tạo, bồi dưỡng;

e) Các chế độ chính sách: tiền lương, phụ cấp hay chế độ khuyến khích,... do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý xem xét giải quyết hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết theo quy định.

2. Đối với đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài: Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được tính thời gian đào tạo, bồi dưỡng vào thời gian công tác liên tục và chế độ khác theo quy định của pháp luật đối với việc cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước.

Mục 5

ĐÈN BÙ CHI PHÍ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 16. Trường hợp phải đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng áp dụng đối với các trường hợp công chức, viên chức được cử đi bồi dưỡng, đào tạo ở nước ngoài và đào tạo trong nước từ trình độ trung cấp trở lên.

2. Cán bộ, công chức, viên chức phải đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng và các chi phí khác theo quy định trong các trường hợp sau:

a) Được cử đi đào tạo, bồi dưỡng nhưng tự ý bỏ học mà không có lý do chính đáng hoặc bị đình chỉ học tập; tự ý không tham gia khóa học khi đã làm đầy đủ các thủ tục nhập học và đã được cơ quan cấp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng;

b) Tham gia khóa học đầy đủ thời gian theo quy định (có xác nhận của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng) nhưng không được cấp văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận đã hoàn thành khóa học do nguyên nhân chủ quan;

c) Tự ý bỏ việc, xin thôi việc theo nguyện vọng cá nhân trong thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc xin chuyển công tác trong thời gian cử đi đào tạo, bồi dưỡng, gồm:

- Chuyển công tác sang các cơ quan, đơn vị không thuộc phạm vi ngân sách thành phố cấp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng;

- Chuyển công tác sang các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi ngân sách thành phố cấp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng để làm công việc không phù hợp với trình độ, chuyên ngành được cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

d) Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng mà không chấp hành sự phân công, điều động của tổ chức, cơ quan có thẩm quyền hoặc tự ý bỏ việc, đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc hoặc chuyển công tác khỏi khu vực nhà nước thuộc phạm vi ngân sách thành phố đài thọ vì lý do cá nhân hoặc chưa công tác đủ thời gian yêu cầu phục vụ theo quy định, vi phạm pháp luật bị xử lý kỷ luật;

đ) Cán bộ, công chức, viên chức đã hoàn thành khóa học và được cấp bằng tốt nghiệp (đối với các trường hợp công chức được cử đi đào tạo từ trình độ trung cấp trở lên) nhưng bỏ việc, xin thôi việc hoặc chuyển công tác sang các cơ quan, đơn vị không thuộc phạm vi ngân sách thành phố cấp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng mà chưa phục vụ đủ thời gian yêu cầu phục vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Hội đồng xét đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Nội vụ quyết định thành lập Hội đồng xét đền bù theo đề nghị của cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng.

2. Thành phần Hội đồng, nguyên tắc làm việc và cuộc họp của Hội đồng xét đền bù được thực hiện theo quy định tại Điều 28, 29, 30 Thông tư số 03/2011/TT-BNV.

Điều 18. Chi phí đền bù

Chi phí đền bù, cách tính chi phí đền bù; Điều kiện được tính giảm chi phí đền bù, quyết định đền bù, trả và thu hồi chi phí đền bù thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2011/TT-BNV.

Mục 6

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN TRONG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 19. Quản lý nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng

- Việc quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của

thành phố do Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện thống nhất theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và phân cấp quản lý của Ban Thường vụ Thành ủy.

- Sở Nội vụ là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc hệ Nhà nước quản lý.

Điều 20. Quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng các cơ quan Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội

Việc quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội cấp thành phố, quận - huyện và học viên thuộc diện quản lý của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Thành ủy.

Điều 21. Trách nhiệm và quyền hạn của Sở Nội vụ

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân thành phố các văn bản quy phạm pháp luật, các chế độ, chính sách thuộc lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (ngắn hạn, trung hạn và dài hạn) trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt; tổ chức, hướng dẫn thực hiện và chịu trách nhiệm về quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng sau khi được ban hành; theo dõi, tổng hợp kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của thành phố.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở ngoài nước bằng nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ khác; tổ chức thực hiện kế hoạch chương trình sau khi được phê duyệt theo quy định.

4. Thẩm định kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp cấp thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hàng năm.

5. Thực hiện hoặc phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng chuyên ngành theo quy định; phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan đề xuất đội ngũ giảng viên kiêm chức thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt làm cơ sở cho việc tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyên ngành, theo vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức.

6. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền.

7. Tổ chức các hoạt động thi đua và khen thưởng, kỷ luật về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định hiện hành.

8. Theo dõi, tổng hợp, báo cáo (định kỳ hoặc đột xuất) kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị trong thành phố cho Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Nội vụ.

9. Lập kế hoạch kinh phí và phối hợp với Sở Tài chính phân bổ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho các đơn vị theo kế hoạch; kiểm tra việc thực hiện kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đã phân bổ.

10. Hàng năm được trích một tỷ lệ kinh phí trong tổng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức để chi phí cho công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (tổ chức triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; hội nghị sơ kết, tổng kết; hoạt động kiểm tra, khen thưởng; tổ chức trao đổi, khảo sát công tác đào tạo trong nước và ngoài nước...).

11. Lập và quản lý kinh phí chi cho công tác biên soạn chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng được phân cấp theo quy định hiện hành; bồi dưỡng kỹ năng chuyên ngành cho cán bộ, công chức, viên chức, chi cho công tác đánh giá chương trình, giáo trình tài liệu bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (nếu có).

Điều 22. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Sở Tài chính là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý, cấp phát và quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong thành phố.

Ngoài các quy định chung về trách nhiệm của các sở, ban, ngành trong công tác quy hoạch và quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý, Sở Tài chính có trách nhiệm:

1. Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ tổng hợp kế hoạch, lập dự toán chi ngân sách cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt hàng năm. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố phân bổ chỉ tiêu dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức cho các cơ quan, đơn vị theo quy định. Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị trong thành phố.

2. Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành chính sách chế độ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội và khả năng ngân sách của thành phố.

3. Hướng dẫn, kiểm tra và thực hiện quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đối với các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định.

Điều 23. Trách nhiệm của Trường Cán bộ thành phố

1. Trên cơ sở kế hoạch của Ban Tổ chức Thành ủy và Sở Nội vụ, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cơ sở xã, phường, thị trấn, đại biểu Hội đồng nhân dân xã theo nội dung, chương trình và hướng dẫn chuyên môn của Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh và các Bộ, ngành Trung ương.

2. Phối hợp với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng khác tổ chức bồi dưỡng tạo nguồn và kỹ năng quản lý cho cán bộ lãnh đạo cấp phòng của địa phương; mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn ở các ngành, lĩnh vực nhằm đáp ứng yêu cầu của cán bộ, công chức, viên chức và nhu cầu của xã hội.

3. Nghiên cứu đổi mới nội dung, chương trình, nâng cao chất lượng giảng dạy; đổi mới phương thức đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

4. Nghiên cứu biên soạn giáo trình, chương trình đào tạo kỹ năng chuyên ngành theo chức danh và các yêu cầu theo cơ quan có thẩm quyền.

Điều 24. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân quận, huyện

1. Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý thông qua Sở Nội vụ tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

2. Tổ chức triển khai, hướng dẫn và chỉ đạo thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về chỉ tiêu đào tạo hàng năm đã được phê duyệt.

3. Trực tiếp quản lý và lập thủ tục thanh quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được hỗ trợ hàng năm theo quy định.

4. Sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng đúng đối

tượng quy hoạch, theo kế hoạch được phê duyệt, đúng ngành, đúng lĩnh vực và bố trí công việc phù hợp với trình độ chuyên môn cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng; đảm bảo hàng năm mỗi cán bộ, công chức, viên chức có tối thiểu 40 tiết theo quy định được cử đi đào tạo, bồi dưỡng để thực hiện việc hoàn thiện tiêu chuẩn ngạch và cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực chuyên môn; theo dõi, đánh giá kết quả học tập của cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý.

5. Báo cáo kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý cho Sở Nội vụ và các cơ quan quản lý cấp trên theo định kỳ hoặc đột xuất; phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng, thực hiện các chương trình, đề án liên quan đến chính sách phát triển nguồn nhân lực của thành phố.

6. Các sở, ban, ngành thành phố phối hợp với Trường Cán bộ, Sở Nội vụ thành phố biên soạn tài liệu bồi dưỡng kỹ năng chuyên ngành theo hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền.

7. Thực hiện chế độ hướng dẫn tập sự; đề xuất việc biên soạn và lựa chọn chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức; tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

8. Đối với Ủy ban nhân dân quận - huyện, ngoài việc thực hiện các trách nhiệm nêu trên, còn thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý; tổ chức triển khai, theo dõi, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng sau khi được phê duyệt và báo cáo cho Sở Nội vụ theo quy định;

- Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách, nguồn kinh phí được phân bổ hàng năm đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; bố trí khoản ngân sách hợp lý đầu tư trang thiết bị, xây dựng cơ sở vật chất cho các cơ sở đào tạo thuộc địa phương, đảm bảo thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng;

- Phối hợp quản lý Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thuộc quận, huyện; tổ chức bồi dưỡng nâng cao, cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý chuyên ngành cho cán bộ quản lý cấp phòng và tương đương, các chức danh chuyên môn cấp cơ sở xã, phường, thị trấn theo chuyên môn ngành dọc và một số đối tượng khác theo nhu cầu.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Chế độ thông tin báo cáo

1. Định kỳ hàng năm, các cơ quan, đơn vị và địa phương báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đã được phê duyệt, số lượng cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, các lớp đào tạo, tập huấn đã tổ chức; đồng thời, lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của năm tiếp theo trên cơ sở quy hoạch chung của ngành và địa phương.

Thời gian gửi nội dung báo cáo và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về Sở Nội vụ trước ngày 01 tháng 10 hàng năm để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

2. Trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị và địa phương, Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo định kỳ và đột xuất; đồng thời, đề xuất biện pháp xử lý các cơ quan, đơn vị không chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

Điều 26. Chế độ kiểm tra

Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất, giám sát đánh giá tình hình thực hiện các nội dung của Quy chế, kế hoạch, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị, địa phương, bảo đảm đạt được các chỉ tiêu được giao, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ quy định; nếu phát hiện sai phạm, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố có biện pháp xử lý kịp thời; đồng thời tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng theo quy định các cá nhân và tổ chức có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 27. Về triển khai, hướng dẫn thực hiện

Giao Sở Nội vụ có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy chế này; trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để được xem xét, chỉ đạo thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2013/QĐ-UBND

Củ Chi, ngày 27 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện huyện Củ Chi

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19 tháng 9 năm 1997 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế bệnh viện;

Căn cứ Chỉ thị số 03/BYT-CT ngày 25 tháng 3 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc chấn chỉnh công tác cung ứng, quản lý và sử dụng thuốc tại bệnh viện;

Căn cứ Thông tư số 08/BYT-TT ngày 04 tháng 7 năm 1997 của Bộ Y tế về hướng dẫn việc tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của hội đồng thuốc và điều trị ở bệnh viện thực hiện Chỉ thị số 03/BYT-CT ngày 25 tháng 3 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc chấn chỉnh công tác cung ứng, quản lý và sử dụng thuốc tại bệnh viện;

Căn cứ Thông tư số 22/2011/TT-BYT ngày 10 tháng 6 năm 2011 của Bộ Y tế quy định tổ chức và hoạt động của khoa Dược bệnh viện;

Căn cứ Quyết định số 79/2007/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Bệnh viện huyện Củ Chi trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi;

Xét đề nghị của Giám đốc Bệnh viện huyện Củ Chi tại Tờ trình số 104/TTr-BV ngày 21 tháng 5 năm 2013, ý kiến thẩm định của Trưởng Phòng Tư pháp huyện tại Công văn số 363/TP ngày 22 tháng 8 năm 2013 và đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ huyện tại Tờ trình số 764/TTr-PNV ngày 22/8/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện huyện Củ Chi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 3972/QĐ-UBND ngày 12/3/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện huyện Củ Chi.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Nội vụ huyện, Giám đốc Bệnh viện huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Minh Tấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Bệnh viện huyện Cử Chi
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi)*

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Vị trí

1. Bệnh viện huyện Cử Chi là đơn vị sự nghiệp y tế trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động và mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Bệnh viện huyện Cử Chi chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi; sự hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật của Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh và của các trung tâm chuyên ngành.

Điều 2. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, trách nhiệm, quyền hạn, trình tự giải quyết công việc của Bệnh viện huyện.

2. Tất cả cán bộ, công chức, viên chức của Bệnh viện huyện Cử Chi chịu sự điều chỉnh của quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc làm việc

1. Bệnh viện huyện Cử Chi làm việc theo chế độ thủ trưởng, tất cả hoạt động của bệnh viện đều phải tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành, quy chế bệnh viện do Bộ Y tế ban hành, quy chế làm việc của Sở Y tế thành phố.

2. Bảo đảm dân chủ, minh bạch và hiệu quả trong tất cả hoạt động, thường xuyên nghiên cứu cải cách hành chính, đơn giản hóa các thủ tục, tạo điều kiện tốt nhất cho bệnh nhân đến khám, chữa bệnh tại Bệnh viện.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 4. Chức năng

Bệnh viện huyện Củ Chi có chức năng khám chữa bệnh, hướng dẫn hoạt động thuộc lĩnh vực được giao theo đúng chính sách pháp luật, các quy định của Nhà nước.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn

Bệnh viện huyện Củ Chi có nhiệm vụ và quyền hạn chủ yếu sau:

1. Cấp cứu - Khám bệnh - Chữa bệnh

a) Tiếp nhận tất cả các trường hợp người bệnh từ ngoài vào hoặc các cơ sở y tế chuyển đến để cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh nội trú hoặc ngoại trú;

b) Tổ chức khám sức khỏe và chứng nhận sức khỏe theo quy định của Nhà nước;

c) Có trách nhiệm giải quyết toàn bộ bệnh thông thường về nội khoa và các trường hợp cấp cứu về ngoại khoa;

d) Tổ chức giám định sức khỏe khi có nhu cầu;

đ) Tổ chức chuyển người bệnh lên tuyến trên khi vượt quá khả năng của bệnh viện.

2. Đào tạo cán bộ y tế

a) Bệnh viện là cơ sở thực hành cho các trường, lớp trung học y tế;

b) Tổ chức đào tạo liên tục cho các thành viên trong bệnh viện và cơ sở y tế tuyến dưới để nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng quản lý chăm sóc sức khỏe ban đầu.

3. Nghiên cứu khoa học về y học

a) Tổ chức tổng kết, đánh giá các đề tài và chương trình về chăm sóc sức khỏe ban đầu;

b) Tham gia các công trình nghiên cứu về y tế cộng đồng và dịch tễ học trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu;

c) Nghiên cứu áp dụng y học cổ truyền và phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc.

4. Chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn, kỹ thuật

Lập kế hoạch và chỉ đạo y tế cơ sở thực hiện các phác đồ chẩn đoán và điều trị.

5. Phòng bệnh

a) Phối hợp với các cơ sở y tế dự phòng thường xuyên thực hiện nhiệm vụ phòng bệnh, phòng dịch;

b) Tuyên truyền, giáo dục sức khỏe cho cộng đồng.

6. Hợp tác quốc tế

Tham gia các chương trình hợp tác với các tổ chức và cá nhân ngoài nước theo quy định của Nhà nước.

7. Quản lý kinh tế y tế

a) Có kế hoạch sử dụng hiệu quả cao ngân sách Nhà nước cấp và các nguồn kinh phí;

b) Tạo thêm nguồn thu nhập từ các dịch vụ y tế;

c) Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về thu, chi ngân sách của bệnh viện.

Chương III **CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY**

Điều 6. Cơ cấu tổ chức

1. Bệnh viện huyện Củ Chi có 01 Giám đốc và 02 Phó giám đốc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi bổ nhiệm theo quy định pháp luật hiện hành.

a) Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

Giám đốc Bệnh viện huyện Củ Chi là người chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về toàn bộ công tác của Bệnh viện huyện Củ Chi, đồng thời chịu sự hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ do Sở Y tế và các trung tâm chuyên ngành thành phố.

Giám đốc Bệnh viện huyện Củ Chi có quyền quyết định bổ nhiệm các chức vụ Trưởng, Phó các Khoa, các Phòng chức năng nghiệp vụ.

b) Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Giám đốc

Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, được Giám đốc phân công phụ

trách một số công việc cụ thể của đơn vị, liên đới chịu trách nhiệm trước cấp trên về những phần việc được phân công phụ trách và được quyền thực hiện một số công việc cụ thể khi Giám đốc đi vắng.

2. Các Phòng chức năng

- Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị;
- Phòng Kế hoạch tổng hợp và Vật tư - thiết bị y tế;
- Phòng Tài chính - Kế toán;
- Phòng Điều dưỡng.

3. Các Khoa

- Liên Khoa Khám bệnh - Cấp cứu;
- Liên Khoa Nội - Nhi;
- Liên Khoa Ngoại - Phụ sản;
- Khoa Y học cổ truyền (Đông y);
- Liên Khoa Chẩn đoán hình ảnh và Xét nghiệm;
- Khoa Dược.

Tùy theo nhu cầu khám, chữa bệnh và yêu cầu phát triển, bệnh viện từng bước lập kế hoạch, đề án trình các cấp có thẩm quyền thành lập một số khoa mới trong cơ cấu tổ chức của bệnh viện đa khoa hạng III.

Căn cứ vào Quy chế này, Thông tư số 22/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011 của Bộ Y tế về Quy định tổ chức và hoạt động của khoa Dược bệnh viện (sau đây gọi tắt là Thông tư số 22/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011 của Bộ Y tế) và Quyết định số 1895/1997/BYT-QĐ ngày 19/9/1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành Quy chế bệnh viện, Giám đốc Bệnh viện huyện chỉ đạo việc xây dựng và ban hành Quy chế làm việc của các khoa, phòng trực thuộc Bệnh viện huyện.

4. Tổ chức cơ sở Đảng, các đoàn thể và tổ chức xã hội khác trong Bệnh viện

5. Hội đồng khoa học kỹ thuật

a) Chức năng

Hội đồng khoa học kỹ thuật là tổ chức tư vấn cho Giám đốc bệnh viện về các vấn đề sau:

- Xây dựng định hướng về công tác nghiên cứu khoa học;

- Kế hoạch phát triển khoa học kỹ thuật của bệnh viện;
- Kế hoạch đào tạo cán bộ;
- Kế hoạch đầu tư mua sắm thiết bị y tế, thuốc và các yêu cầu phát triển cơ sở hạ tầng của bệnh viện;
- Giám định kỹ thuật về khám bệnh, chữa bệnh và thẩm định các đề tài nghiên cứu;
- Các vấn đề khác mà giám đốc cần tham khảo.

b) Tổ chức

- Các ủy viên hội đồng bao gồm những cán bộ có trình độ chuyên môn sâu và kinh nghiệm quản lý thuộc các lĩnh vực chuyên khoa do Giám đốc lựa chọn và quyết định;
- Chủ tịch Hội đồng là người có trình độ kỹ thuật cao, có phẩm chất đạo đức tốt do Giám đốc cử;
- Ủy viên thường trực kiêm thư ký là Trưởng phòng Kế hoạch - Tổng hợp và Vật tư - thiết bị y tế;
- Hội đồng khoa học kỹ thuật hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, họp định kỳ hàng quý, họp bất thường do Giám đốc bệnh viện yêu cầu. Kinh phí hoạt động được chi từ nguồn tài chính được cấp cho hoạt động khoa học, công nghệ và kỹ thuật.

6. Hội đồng thuốc và điều trị

a) Tổ chức

Hội đồng thuốc và điều trị của bệnh viện tổ chức và hoạt động theo Chỉ thị 03/1997/BYT-CT ngày 25/3/1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc chấn chỉnh công tác cung ứng, quản lý và sử dụng thuốc tại bệnh viện và Thông tư số 08/BYT-TT ngày 04/7/1997 của Bộ Y tế về hướng dẫn việc tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của hội đồng thuốc và điều trị ở bệnh viện.

b) Nhiệm vụ

- Xây dựng và trình Giám đốc phê duyệt các quy định cơ bản về cung ứng, quản lý và sử dụng thuốc trong bệnh viện;
- Xây dựng và trình Giám đốc phê duyệt danh mục thuốc dùng cho bệnh viện;
- Xây dựng và trình Giám đốc phê duyệt quy trình cấp phát thuốc, theo dõi dùng thuốc, kiểm tra việc thực hiện khi quy trình trên được phê duyệt;

- Giúp Giám đốc một số hoạt động khác.

Điều 7. Biên chế

Căn cứ khối lượng công việc và tình hình cán bộ cụ thể để xác định chức danh cán bộ, viên chức và số lượng biên chế cho phù hợp. Biên chế của Bệnh viện do Ủy ban nhân dân huyện quyết định trong chỉ tiêu biên chế sự nghiệp y tế được Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm.

Điều 8. Kinh phí hoạt động

Kinh phí hoạt động, xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng và trang thiết bị y tế theo quy định của Nhà nước.

Điều 9. Quản lý tài chính

Bệnh viện huyện Cử Chi quản lý tài chính theo quy chế bệnh viện (phần quy chế quản lý tài chính trong bệnh viện) và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập cùng các quy định tài chính hiện hành.

Chương IV CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 10. Chế độ làm việc, hội họp, báo cáo

1. Chế độ làm việc

Bệnh viện huyện thực hiện thời gian làm việc theo quy định của Nhà nước và theo quy định của Ủy ban nhân dân huyện.

Giám đốc điều hành toàn bộ hoạt động của Bệnh viện huyện và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về hiệu quả công tác của Bệnh viện. Giám đốc phân công công việc cho Phó Giám đốc và các viên chức.

Viên chức của Bệnh viện được phân công nhiệm vụ cụ thể, mặc trang phục theo quy định, có bảng tên đặt tại bàn làm việc đồng thời phải đeo thẻ viên chức khi thi hành nhiệm vụ.

Từng viên chức phải có tác phong làm việc tận tụy, thái độ lịch sự, khiêm tốn, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của lãnh đạo, của đồng nghiệp, của tổ chức trong quan hệ công tác, cũng như của bệnh nhân theo 12 điều y đức của Bộ Y tế.

2. Chế độ hội họp, báo cáo

Giám đốc hàng tuần tổ chức họp giao ban giữa Ban Giám đốc Bệnh viện với Trưởng các đơn vị chuyên môn kỹ thuật và Trưởng các phòng chức năng thuộc Bệnh viện để kiểm tra, đánh giá, nhận xét thực hiện công việc tuần qua và triển khai nhiệm vụ tuần tới. Hàng tháng họp toàn thể cán bộ, công chức viên chức để kiểm điểm tình hình thực hiện công tác trong tháng qua và đề ra công tác cho tháng tiếp theo, đồng thời phổ biến các chủ trương, chính sách, kế hoạch, chế độ mới và nhiệm vụ mới phát sinh ở địa phương, tình hình thực hiện nhiệm vụ được Nhà nước và Ủy ban nhân dân huyện giao.

Khi cần, Giám đốc có thể tổ chức họp đột xuất để triển khai các công việc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân huyện hoặc Sở Y tế thành phố.

Hàng tuần, tháng, quý, 6 tháng và cuối năm, Bệnh viện báo cáo sơ - tổng kết công tác và thống kê tình hình thực hiện theo quy định.

3. Hội nghị cán bộ, công chức và các cuộc họp quan trọng khác

Hội nghị cán bộ công chức được tiến hành vào tháng 12 hàng năm theo quy định, do Giám đốc bệnh viện phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn bệnh viện tổ chức.

Mỗi năm, Giám đốc bệnh viện phải triển khai các quy định của quy chế dân chủ, quy chế giao tiếp, quy tắc ứng xử và 12 điều y đức cho viên chức, nhân viên bệnh viện.

Bệnh viện cần tổ chức đánh giá sự hài lòng của người bệnh và cán bộ nhân viên ít nhất 2 lần trong năm thông qua phiếu khảo sát. Qua đó có phương án thay đổi phong cách phục vụ bệnh nhân ngày một tốt hơn.

4. Đi công tác

Giám đốc bệnh viện chỉ cử cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đi công tác, hội nghị theo đúng thành phần liên quan đến nội dung chuyến công tác, hội nghị.

Cán bộ, công chức, viên chức đi công tác trong nước về phải báo cáo với Giám đốc bệnh viện nội dung được lĩnh hội và kế hoạch triển khai, thực hiện các nội dung đã được lĩnh hội.

Cán bộ, công chức, viên chức đi công tác, hội nghị ở nước ngoài phải thực hiện nghiêm chỉnh theo quy định của Đảng và của Nhà nước và chỉ được tiến hành các thủ tục theo chuyến đi công tác, hội nghị sau khi được Giám đốc bệnh viện đồng ý.

Chương V

QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 11. Đối với Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh

1. Bệnh viện huyện Củ Chi chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật của Sở Y tế và các mặt hoạt động khác theo quy định.
2. Bệnh viện có trách nhiệm báo cáo kết quả hoạt động của bệnh viện với Sở Y tế theo quy định và báo cáo đột xuất khi có công việc khẩn cấp.
3. Tham dự đầy đủ các cuộc hội, họp, hội nghị do Sở Y tế thành phố triệu tập.

Điều 12. Đối với Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi

Bệnh viện huyện Củ Chi chịu sự lãnh đạo và quản lý trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi. Giám đốc trực tiếp nhận chỉ đạo từ Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân huyện và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân huyện về việc thực hiện những mặt công tác đã được phân công.

Điều 13. Quan hệ công tác với Phòng Y tế huyện và Trung tâm Y tế Dự phòng huyện

1. Phối hợp với Trung tâm y tế dự phòng huyện trong việc hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật đối với các Trạm Y tế xã, thị trấn và trong kế hoạch phát triển y tế tại địa phương;
2. Phối hợp với Phòng Y tế huyện trong hoạt động thanh tra, kiểm tra và các lĩnh vực khác do Ủy ban nhân dân huyện phân công.

Điều 14. Quan hệ công tác với các cơ quan khác trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện

Là quan hệ phối hợp và hợp tác bình đẳng trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định.

Điều 15. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các tổ chức xã hội của huyện, Ủy ban nhân dân xã-thị trấn

1. Thực hiện kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện về phối hợp với các ngành, đoàn thể có liên quan để đẩy mạnh xã hội hóa công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân và tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức của người dân về công tác vệ sinh phòng bệnh để tự chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

2. Khi các tổ chức trên có yêu cầu, kiến nghị những vấn đề thuộc chức năng của Bệnh viện, Giám đốc có trách nhiệm giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân huyện giải quyết các yêu cầu đó theo quy định;

3. Tổ chức phối hợp với các xã, thị trấn thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu và thực hiện các chương trình y tế địa phương.

Chương VI **KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 16. Quy định về khen thưởng và kỷ luật

1. Cán bộ, công chức, viên chức có công trạng, thành tích và cống hiến trong công tác, hoạt động nghề nghiệp thì được khen thưởng, tôn vinh theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng;

2. Cán bộ, công chức, viên chức được khen thưởng do có công trạng, thành tích đặc biệt được xét nâng lương trước thời hạn, nâng lương vượt bậc theo quy định của Chính phủ;

3. Cán bộ, công chức, viên chức vi phạm các quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, phải chịu một trong các hình thức kỷ luật theo quy định của Luật Cán bộ công chức, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Chương VII **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN CỦA BỆNH VIỆN**

Điều 17. Tài sản của bệnh viện gồm: cơ sở vật chất, thuốc, hóa chất, vật tư, thiết bị y tế, xe cứu thương và các vật dụng khác. Tài sản của bệnh viện được phân công quản lý như sau:

a) Thuốc, vật tư y tế tiêu hao, hóa chất, thuốc sát khuẩn, phim X quang: do Khoa Dược quản lý.

b) Máy móc và trang thiết bị y tế: do Phòng Kế hoạch tổng hợp và thiết bị y tế quản lý.

c) Cơ sở vật chất, văn phòng phẩm, các loại biểu mẫu hồ sơ y tế: do Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị quản lý.

Điều 18. Việc quản lý, cấp phát và sử dụng thuốc, vật tư, thiết bị y tế và tài sản của bệnh viện thực hiện theo quy chế bệnh viện và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 19. Khi cần điều chuyển khoa khác, cho mượn, thanh lý hay vận chuyển ra khỏi cơ quan các tài sản của bệnh viện, các Trưởng khoa có liên quan phải báo cho cán bộ phụ trách. Cán bộ phụ trách xin ý kiến Giám đốc bệnh viện. Khi có sự đồng ý của Giám đốc mới thực hiện quy định nhà nước. Khi thực hiện phải lập sổ theo dõi.

Điều 20. Tất cả cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên của bệnh viện có trách nhiệm bảo vệ tài sản chung, không để thất thoát, hư hỏng, không sử dụng tài sản chung vào công việc cá nhân. Cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên bệnh viện cần tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và tuân thủ quy trình vận hành máy móc cũng như các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy.

Điều 21. Công tác kiểm kê tài sản

1. Việc kiểm kê tài sản được tiến hành hàng năm theo luật định.
2. Đối với thuốc, hóa chất được kiểm kê theo Thông tư số 22/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011 của Bộ Y tế về quy định tổ chức và hoạt động của Khoa Dược.
3. Đối với trang thiết bị y tế kiểm kê theo quy chế bệnh viện.
4. Đối với tài sản khác cũng được tiến hành theo quy định có sự phối hợp với Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị và Phòng Tài chính - Kế toán.

Điều 22. Bảo vệ bệnh viện trong khi làm nhiệm vụ được kiểm tra giấy tờ, người, hàng hóa, phương tiện ra vào cơ quan, nếu có dấu hiệu vi phạm pháp luật và phải báo cho lãnh đạo hoặc Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính quản trị.

Điều 23. Việc thu xếp xe bệnh viện đi công tác do Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính quản trị quản lý. Việc điều xe bệnh viện phục vụ cho vận chuyển bệnh nhân do bác sĩ trực lãnh đạo điều động.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Giám đốc và tất cả các thành viên của Bệnh viện huyện Củ Chi có trách nhiệm thực hiện theo nội dung quy định tại quy chế này kể từ ngày ban hành.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề gì chưa phù hợp hoặc phát sinh khó

khăn, vớ, kính mắt, Giám đốc Bệnh viện huyện Củ Chi phối hợp Phòng Nội vụ huyện trình Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi bổ sung hoặc sửa đổi quy chế cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Minh Tấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2013/QĐ-UBND

Củ Chi, ngày 27 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp huyện Củ Chi

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/QĐ-UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 01/2009/TTLT-BTP-BNV ngày 28 tháng 4 năm 2009 của Bộ Tư pháp - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện và công tác tư pháp của Ủy ban nhân dân cấp xã;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 71/2009/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 9317/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về thành lập Phòng Tư pháp huyện Củ Chi;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp huyện tại Tờ trình số 347/TTr-TP ngày 08 tháng 8 năm 2013 và đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ huyện tại Tờ trình số 757/TTr-PNV ngày 21 tháng 8 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp huyện Củ Chi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Nội vụ huyện, Trưởng Phòng Tư pháp huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Minh Tấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp huyện Cử Chi

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2013/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi)*

Chương I

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí

Phòng Tư pháp huyện Cử Chi là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi. Phòng Tư pháp huyện có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chức năng

Phòng Tư pháp huyện tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: công tác xây dựng và thi hành văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật; chứng thực; hộ tịch; trợ giúp pháp lý; hòa giải ở cơ sở và công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Tư pháp huyện có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân huyện các văn bản hướng dẫn về công tác tư pháp và tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn theo quy định.

2. Trình Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định, chỉ thị, kế hoạch 5 năm, hàng năm về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Phòng; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, cải cách tư pháp, xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý nhà nước được giao.

3. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện dự thảo các văn bản về lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

4. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thuộc phạm vi quản lý của Phòng.

5. Về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:

a) Phối hợp xây dựng quyết định, chỉ thị thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân huyện do các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân huyện chủ trì xây dựng;

b) Thẩm định các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân huyện ban hành theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức lấy ý kiến nhân dân về các dự án luật, pháp lệnh theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện và hướng dẫn của Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về thi hành văn bản quy phạm pháp luật:

a) Theo dõi chung tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn huyện;

b) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về theo dõi thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện và công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;

c) Tổng hợp, báo cáo tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật và kiến nghị các biện pháp giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn huyện và gửi về Ủy ban nhân dân huyện và Sở Tư pháp Thành phố.

7. Về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật:

a) Giúp Ủy ban nhân dân huyện tự kiểm tra văn bản do Ủy ban nhân dân huyện ban hành; hướng dẫn công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn ban hành;

b) Thực hiện kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn theo quy định của pháp luật; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định các biện pháp xử lý văn bản trái pháp luật theo quy định của pháp luật.

8. Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân huyện ban hành; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật đối với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện.

9. Về phổ biến, giáo dục pháp luật:

a) Tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật sau khi được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt;

b) Phòng Tư pháp huyện làm cơ quan Thường trực Hội đồng Phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn huyện;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng, quản lý và khai thác tủ sách pháp luật ở các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị khác theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và hướng dẫn của cơ quan tư pháp cấp trên.

10. Thẩm định, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện thực hiện việc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn ra quyết định công nhận nội dung Quy ước Tổ dân phố trên địa bàn các xã, thị trấn theo quy định của pháp luật

11. Về chứng thực:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trong việc cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký;

b) Thực hiện chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài; chứng thực chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt hoặc từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài; chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài;

c) Thực hiện chứng thực một số việc khác theo quy định của pháp luật.

12. Về quản lý và đăng ký hộ tịch:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức, thực hiện công tác đăng ký và

quản lý hộ tịch trên địa bàn; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và đăng ký hộ tịch cho công chức Tư pháp - Hộ tịch các xã, thị trấn;

b) Giúp Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi giải quyết việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên và xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch cho mọi trường hợp, không phân biệt độ tuổi, cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch theo quy định của pháp luật;

c) Quản lý các sổ sách, biểu mẫu về hộ tịch; lưu trữ sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch theo quy định pháp luật;

d) Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi quyết định việc thu hồi, hủy bỏ những giấy tờ hộ tịch do Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn cấp trái với quy định của pháp luật (trừ việc đăng ký kết hôn vi phạm về điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình).

13. Trợ giúp pháp lý:

a) Thực hiện nhiệm vụ trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật.

b) Xây dựng và quản lý đội ngũ cộng tác viên trợ giúp pháp lý của huyện, Tư vấn trợ giúp pháp lý các vụ việc và tổ chức trợ giúp pháp lý lưu động cho người dân trên địa bàn.

14. Giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân huyện trong công tác thi hành án dân sự trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

15. Thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính và bồi thường Nhà nước.

16. Theo dõi việc thực hiện Luật xử lý vi phạm hành chính.

17. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ về công tác tư pháp ở các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

18. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về hoạt động tư pháp trên địa bàn huyện; tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động tư pháp trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân huyện.

19. Quản lý biên chế, thực hiện chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức, viên chức

và người lao động thuộc Phòng theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân huyện.

20. Quản lý tài chính, tài sản của Phòng theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân huyện.

21. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh.

22. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giao.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Phòng Tư pháp huyện gồm có Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và các công chức khác.

a) Trưởng Phòng Tư pháp chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi; đồng thời chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Tư pháp về thực hiện các mặt công tác chuyên môn và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Phòng.

b) Phó Trưởng phòng giúp Trưởng phòng phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Phòng.

c) Việc bổ nhiệm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và theo quy định của pháp luật.

d) Việc điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ, công chức chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác quản lý nhà nước về tư pháp trên địa bàn huyện được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

3. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Phòng Tư pháp huyện và đặc điểm tình hình cụ thể của đơn vị, trình độ, năng lực cán bộ, Phòng Tư pháp huyện Củ Chi được tổ chức thành các bộ phận gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác của Phòng.

Tùy theo quy mô hoạt động và tính chất công việc và nhân sự cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân huyện có thể bố trí cán bộ phụ trách riêng từng lĩnh vực hoặc kiêm nhiệm các lĩnh vực trên cơ sở tinh gọn, hiệu quả và tiết kiệm.

Điều 4. Biên chế

Căn cứ chức danh, nhiệm vụ, khối lượng công việc, tính chất và đặc điểm công tác tại huyện Củ Chi, Ủy ban nhân dân huyện phân bổ biên chế Phòng Tư pháp huyện Củ Chi cho phù hợp, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Số lượng biên chế cụ thể của Phòng Tư pháp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định trong tổng chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho huyện Củ Chi hàng năm.

Chương IV CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu cán bộ, công chức giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ, công chức đó phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 7. Mỗi quan hệ công tác

1. Đối với Sở Tư pháp:

Phòng Tư pháp huyện chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tư pháp Thành phố, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Tư pháp.

2. Đối với Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi:

Phòng Tư pháp huyện chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân huyện về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo với Ủy ban nhân dân huyện về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân huyện:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng, nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân huyện, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của huyện. Trong trường hợp Phòng Tư pháp huyện chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng Phòng Tư pháp huyện tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của huyện:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các xã, thị trấn, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể và các tổ chức xã hội của huyện có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng Tư pháp huyện, Trưởng phòng có trách nhiệm giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân huyện giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

5. Đối với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

b) Hướng dẫn công chức các xã, thị trấn về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Căn cứ Quy chế này, Trưởng Phòng Tư pháp huyện có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh công chức của Phòng phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với nội dung Quy chế này, trình Ủy ban nhân dân huyện quyết định để thi hành.

Điều 9. Trưởng Phòng Tư pháp huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp huyện sau khi được Ủy ban nhân dân huyện quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền, Trưởng phòng đề xuất trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp sau khi trao đổi thống nhất với Trưởng Phòng Nội vụ huyện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Minh Tấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2013/QĐ-UBND

Củ Chi, ngày 11 tháng 9 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đài Truyền thanh huyện Củ Chi

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 113/2007/TT-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2010/TTLT-BTTTT-BNV ngày 27 tháng 7 năm 2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông - Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Phát thanh và Truyền hình thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đài Truyền thanh - Truyền hình thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 1985 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về việc thành lập Đài Truyền thanh huyện Củ Chi;

Xét đề nghị của Trưởng Đài Truyền thanh huyện Củ Chi tại Công văn số

22/CV-ĐTT ngày 20 tháng 8 năm 2013 về đề nghị ra quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đài Truyền thanh huyện Củ Chi;

Xét Văn bản số 373/TP ngày 05 tháng 9 năm 2013 của Trưởng Phòng Tư pháp huyện về thẩm định dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Đài Truyền thanh huyện Củ Chi và đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ huyện tại Tờ trình số 817/TTr-PNV ngày 10 tháng 9 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Đài Truyền thanh huyện Củ Chi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Nội vụ huyện, Trưởng Đài Truyền thanh huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Minh Tấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Đài Truyền thanh huyện Cử Chi
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2013/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

Đài Truyền thanh huyện Cử Chi là đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi thực hiện chức năng là cơ quan tuyên truyền của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện.

Đài Truyền thanh huyện là đơn vị sự nghiệp công lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng để hoạt động.

Đài Truyền thanh huyện chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi; quản lý nhà nước theo ngành của Sở Thông tin và Truyền thông; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật của Đài Tiếng nói nhân dân thành phố.

Chương II NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Sản xuất và phát sóng các chương trình truyền thanh bằng tiếng Việt trên Đài Truyền thanh huyện và hệ thống loa truyền thanh ở các xã, thị trấn, thiết bị phát sóng phát thanh được trang bị, nhằm tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tập trung vào sự chỉ đạo, điều hành của thành phố, của huyện, các hoạt động tại cơ sở, phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật, kinh tế, văn hóa, xã hội, công tác an ninh trật tự, gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến tới nhân dân theo quy định của pháp luật.

2. Tiếp sóng và phát sóng các chương trình của Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Tiếng nói nhân dân thành phố phục vụ nhu cầu tiếp nhận thông tin của nhân dân theo quy định của pháp luật.

3. Xây dựng các chương trình thời sự, chuyên mục của huyện phát hàng ngày trên sóng phát thanh và xuất bản Bản tin Củ Chi hàng tháng.

4. Trực tiếp quản lý hệ thống kỹ thuật chuyên ngành để thực hiện việc tiếp sóng, phát sóng các chương trình phát thanh theo quy định của pháp luật.

5. Phối hợp với Đài Tiếng nói nhân dân thành phố sản xuất các chương trình phát thanh, phát sóng trên Đài Tiếng nói nhân dân thành phố.

6. Quản lý, vận hành đài phát sóng phát thanh trên địa bàn theo sự phân công.

7. Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật đối với Trạm Truyền thanh xã - thị trấn trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

8. Quản lý, sử dụng lao động, tài sản, ngân sách và nguồn thu từ dịch vụ; thực hiện chính sách đối với viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

9. Xây dựng đội ngũ làm công tác thông tin tuyên truyền vững về chuyên môn, lý luận chính trị và đạo đức cách mạng.

10. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất với cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý cấp trên và cơ quan chức năng về các mặt công tác được giao; tổ chức các hoạt động thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

11. Tham gia ý kiến với Ủy ban nhân dân huyện và cơ quan chức năng để củng cố, mở rộng sự nghiệp truyền thanh trên địa bàn.

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân huyện giao theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Đài Truyền thanh huyện do Trưởng đài phụ trách, có từ hai đến ba Phó Trưởng đài.

a) Trưởng đài chịu trách nhiệm trực tiếp trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Đài Truyền thanh huyện;

Khi Trưởng đài vắng mặt, một Phó Trưởng đài được Trưởng đài ủy quyền điều hành các hoạt động của Đài;

b) Phó Trưởng đài là người giúp Trưởng đài quản lý, điều hành một số mặt công tác do Trưởng đài phân công, chịu trách nhiệm trước Trưởng đài và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công;

c) Việc bổ nhiệm Trưởng đài, Phó Trưởng đài do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ huyện; việc miễn nhiệm, từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng đài, Phó Trưởng đài thực hiện theo quy định của pháp luật;

d) Viên chức và nhân viên chuyên môn, nghiệp vụ được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

2. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể đơn vị, trình độ, năng lực viên chức, Đài Truyền thanh huyện tổ chức thành 03 (ba) Tổ nghiệp vụ gồm:

a) Tổ Hành chính - Tài vụ:

- Hành chính: Có nhiệm vụ tổng hợp kế hoạch công tác hàng năm và lập báo cáo định kỳ về thực hiện nhiệm vụ thường xuyên hoặc đột xuất của Đài Truyền thanh huyện. Tổ chức thực hiện quản lý công tác văn thư - lưu trữ hồ sơ theo quy định của Nhà nước. Quản lý hồ sơ công chức, viên chức và người lao động. Khai thác, tổ chức các dịch vụ theo chức năng, nhiệm vụ trên cơ sở phát huy hiệu quả cơ sở vật chất của đơn vị.

- Tài vụ: Có nhiệm vụ quản lý tài sản công và bảo đảm các điều kiện vật chất, kỹ thuật, phương tiện làm việc của Đài Truyền thanh huyện. Quản lý công tác tài chính, kế toán của Đài Truyền thanh huyện. Lập dự toán thu chi ngân sách hàng năm. Kiểm tra, giám sát các khoản thu chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ; việc quản lý, sử dụng tài sản, nguồn hình thành tài sản; phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán. Lập báo cáo quyết toán thu chi; quyết toán tài chính theo đúng quy định, lập dự trù mua sắm tài sản, vật tư, trang thiết bị theo kế hoạch; thanh toán các chế độ tài chính cho công chức, viên chức, người lao động và quản lý tiền mặt, chứng từ sổ sách kế toán theo quy định.

b) Tổ Phóng viên - Biên tập bản tin:

Có nhiệm vụ nghiên cứu, phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc biên soạn, xây dựng các chương trình thời sự, chuyên mục nhằm thông tin tuyên truyền trên Đài Truyền thanh huyện và Bản tin Củ Chi về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, sự chỉ đạo, điều hành của thành phố, của huyện, các hoạt động tại cơ sở, phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật, kinh tế, văn hóa, xã hội, công tác an ninh trật tự, gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến tới nhân dân theo quy định của pháp luật. Xây dựng hệ thống cộng tác viên và có nhiệm vụ hướng dẫn nghiệp vụ biên tập tin ở các xã - thị trấn, các ban ngành đoàn thể; nâng cao chất lượng nội dung Bản tin Củ Chi.

c) Tổ Kỹ thuật - Sản xuất chương trình:

Có nhiệm vụ đảm bảo kỹ thuật trong công tác thu chương trình thời sự và phát thanh hàng ngày theo đúng quy định. Theo dõi, kiểm tra đôn đốc các xã - thị trấn đảm bảo thường xuyên hoạt động của hệ thống truyền thanh cơ sở trong việc tiếp sóng đài huyện hàng ngày, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống Đài Truyền thanh huyện và hỗ trợ kỹ thuật cho các Trạm Truyền thanh cơ sở.

Điều 4. Biên chế

1. Biên chế nhân sự của Đài Truyền thanh huyện do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi quyết định trên cơ sở chỉ tiêu biên chế sự nghiệp được Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm.

2. Ngoài biên chế khung được giao hàng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện cho phép Trưởng đài Truyền thanh huyện được ký hợp đồng thuê, khoán đối với những công việc không cần thiết bố trí biên chế thường xuyên; ký hợp đồng lao động và các hình thức hợp tác khác theo quy định của pháp luật.

3. Lập kế hoạch biên chế: căn cứ chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu và khả năng thực tế, Trưởng đài xây dựng kế hoạch biên chế hàng năm, trong đó ghi rõ số lượng biên chế cần thiết của đơn vị, yêu cầu về chất lượng, cơ cấu viên chức, thời gian sử dụng.

Chương IV
CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH

Điều 5. Quản lý hoạt động của Đài

1. Chương trình phát thanh hàng ngày của Đài Truyền thanh huyện phù hợp với thời lượng, thời gian theo các điều kiện vật chất kỹ thuật hiện có của Đài.

2. Lịch phát sóng của Đài Truyền thanh huyện phải được trình duyệt thống nhất của Ủy ban nhân dân huyện và các cơ quan có thẩm quyền.

3. Nội dung các chương trình thời sự hàng ngày của Đài Truyền thanh huyện trước khi phát lên sóng phải được ủy quyền của Trưởng đài cho phép duyệt hoặc Trưởng đài trực tiếp duyệt đúng theo các nguyên tắc tuyên truyền và Luật Báo chí.

Điều 6. Tài chính của Đài Truyền thanh huyện

1. Nguồn tài chính:

a) Ngân sách nhà nước cấp kinh phí: đảm bảo cho các hoạt động theo kế hoạch được giao; thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị ứng dụng công nghệ phục vụ sự nghiệp theo kế hoạch năm.

b) Nguồn thu từ các hoạt động nghiệp vụ: thu sự nghiệp từ các hoạt động nghiệp vụ như thông tin, thông báo, quảng cáo, thông tin kinh tế trên Đài Truyền thanh huyện và Bản tin Củ Chi.

2. Chi sự nghiệp:

a) Lương, các khoản phụ cấp lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho công chức, viên chức, người lao động của Đài Truyền thanh huyện;

b) Chi quản lý hành chính: vật tư văn phòng, dịch vụ công, thông tin liên lạc, công tác phí...

c) Chi hoạt động nghiệp vụ chuyên môn;

d) Chi các hoạt động có thu phí sự nghiệp;

đ) Chi đầu tư phát triển cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị;

e) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Cơ chế quản lý tài chính:

Đài Truyền thanh huyện thực hiện việc quản lý tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số

113/2007/TT-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính.

Chương V

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 7. Chế độ làm việc

1. Trưởng đài phụ trách, điều hành các hoạt động của Đài và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng đài phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng đài phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng đài khác, Phó trưởng đài phụ trách chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng đài quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng đài khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng đài trực tiếp yêu cầu các viên chức giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng đài, yêu cầu đó được thực hiện nhưng viên chức đó phải báo cáo cho Phó Trưởng đài trực tiếp phụ trách biết.

Điều 8. Chế độ sinh hoạt, hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Đài họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Đài, các Tổ nghiệp vụ họp với Phó Trưởng đài trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể công chức, viên chức Đài một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng Tổ nghiệp vụ có lịch công tác do lãnh đạo Đài trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Đài chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Đài.

Điều 9. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Ủy ban nhân dân huyện:

Đài Truyền thanh huyện chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Đài. Trưởng đài trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân huyện về những mặt công tác đã được phân công;

2. Đối với Đài Tiếng nói nhân dân thành phố:

Đài Truyền thanh huyện chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ và phối hợp thực hiện các hoạt động, công tác vì mục đích của ngành. Thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Đài Tiếng nói nhân dân thành phố.

3. Đối với Ban Tuyên giáo Huyện ủy:

Nội dung chương trình thời sự trên Đài Truyền thanh huyện, nội dung Bản tin Củ Chi được thực hiện theo hướng dẫn tuyên truyền trọng tâm hàng tháng, hàng quý của Ban Tuyên giáo Huyện ủy.

4. Đối với Phòng Văn hóa và Thông tin huyện:

Đài Truyền thanh huyện chịu sự quản lý nhà nước của Phòng Văn hóa và Thông tin huyện về hoạt động xuất bản bản tin theo đúng pháp luật, đúng quy định của ngành.

5. Đối với các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội trên địa bàn huyện và các xã - thị trấn:

Đài Truyền thanh huyện có mối quan hệ phối hợp với các cơ quan chuyên môn, đoàn thể, các tổ chức xã hội trên địa bàn huyện và Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Căn cứ Quy chế này, Đài Truyền thanh huyện có trách nhiệm cụ thể hóa thành chương trình hoạt động của Đài, tổ chức bộ máy, bố trí công chức, viên chức phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ, ban hành nội quy làm việc của các Tổ nghiệp vụ và các quy định phục vụ công tác điều hành, bảo đảm thực hiện chức năng nhiệm vụ được quy định.

Điều 11. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền, Trưởng đài Truyền thanh huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi xem xét, sửa đổi và bổ sung Quy chế cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Minh Tấn

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4930/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 9 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi
giai đoạn 2013 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ, về ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Xét Tờ trình 734/TTr-BQL, ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi về việc phê duyệt Đề án Nông thôn mới xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015, có phê duyệt của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi; ý kiến thẩm định và khảo sát thực tế của Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tại Thông báo số 405/TB-TCT-PTNT ngày 17 tháng 12 năm 2012 và Thông báo số 155/TB-TCT ngày 26 tháng 6 năm 2013; đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính tại Tờ trình số 1526/TTr-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 15 tháng 8 năm 2013 về phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, giai đoạn 2013 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015 (theo nội dung đề án đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi về cơ chế, chính sách đầu tư xã nông thôn mới, Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Trung Lập Hạ nghiên cứu, đề xuất kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải và các Sở, ngành liên quan; Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Trung Lập Hạ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Trung Lập Hạ - huyện Củ Chi có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

**Xây dựng nông thôn mới xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi
giai đoạn 2013 - 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4930/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Phần I

THỰC TRẠNG NÔNG THÔN XÃ TRUNG LẬP HẠ - HUYỆN CỦ CHI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - DÂN SỐ LAO ĐỘNG

1. Điều kiện tự nhiên

Xã Trung Lập Hạ nằm ở phía Đông Bắc của huyện Củ Chi có tổng diện tích tự nhiên là 1.698,97 ha, chiếm 3,91% diện tích tự nhiên của huyện.

Có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp xã An Nhơn Tây;
- Phía Đông giáp xã Nhuận Đức;
- Phía Tây giáp xã Trung Lập Thượng, Phước Thạnh và Phước Hiệp;
- Phía Nam giáp xã Tân An Hội.

Trung Lập Hạ nằm ở phía Đông Bắc của huyện Củ Chi chia thành 6 ấp (Trung Hòa, Lào Táo Trung, Ấp Đồn, Gia Bẹ, Trảng Lắm, Xóm Mới).

Diện tích đất nông nghiệp 1.437,85 ha, chiếm 84,63% tổng diện tích đất tự nhiên của xã. Diện tích đất phi nông nghiệp 258,97 ha (chiếm 15,24% diện tích). Đất chưa sử dụng là 2,15 ha (chiếm 0,13% diện tích).

2. Dân số

Dân số toàn xã là 11.846 nhân khẩu. Mật độ dân số bình quân toàn xã là 592 người/km².

Lực lượng lao động dồi dào, lao động trong độ tuổi (16 đến 60 tuổi): 8.167 lao động, lao động nông nghiệp: 4.368 lao động (53,48%), công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: 2.661 lao động (32,58%), lao động thương mại và dịch vụ: 1.138 lao động (13,94%).

II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ XÃ HỘI

1. Quy hoạch

a) Quy hoạch sử dụng đất

Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi đã quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010, nay cần điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2020.

b) Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội môi trường; khu dân cư mới: Chưa thực hiện.

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Giao thông

Hiện tại trên địa bàn xã có các tuyến đường giao thông, tổng chiều dài 80,89 km, trong đó:

- Đường trục xã, liên xã: 10,85 km, 100% đã được thi công nhựa hóa.
- Đường trục ấp, liên ấp: 32,4km, trong đó đã được nhựa hóa, cứng hóa 18,09km (55,83%);
- Đường giao thông nội đồng: 8,84km, trong đó đi lại thuận lợi 6,18km;
- Đường ngõ, xóm: 28,8km, trong đó đi lại thuận lợi 28,8km.

b) Thủy lợi

Hiện nay trên địa bàn xã số km kênh mương đã kiên cố hóa: 77,35 km. Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất và dân sinh.

c) Điện

Xã có 55 trạm biến áp, hệ thống đường dây hạ thế dài 55,1 km, tỷ lệ hộ dân có điện phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất 100%.

d) Trường học

- Trường mầm non: Xã có một trường mầm non Trung Lập Hạ chưa đạt chuẩn quốc gia (6 phân hiệu) với tổng số học sinh là 252 học sinh và 9 giáo viên.
- Trường tiểu học: Xã có 3 trường tiểu học. Trong đó có 2 trường tiểu học chưa

đạt chuẩn: Trường tiểu học Liên Trung (3 phân hiệu), trường tiểu học Lê Văn Thế chưa đạt chuẩn và một trường tiểu học Trung Lập Hạ đang xây dựng đạt chuẩn.

- Trường trung học cơ sở: Xã có một trường trung học cơ sở Trung Lập Hạ chưa đạt chuẩn quốc gia với tổng số học sinh 215 và 22 giáo viên.

đ) Cơ sở vật chất văn hóa

- Số nhà văn hóa xã, ấp:

Trên địa bàn xã hiện chưa có nhà văn hóa và 6 văn phòng ấp chưa phục vụ tốt nhu cầu hội họp và sinh hoạt của người dân.

- Khu thể thao của xã, ấp:

Hiện tại xã có 2 sân bóng, 1 sân bóng đá do xã quản lý chưa đạt chuẩn và 1 sân bóng đá mini Trung Lập Hạ của tư nhân.

e) Chợ

Trên địa bàn xã có 1 chợ với diện tích là 458 m² không đạt chuẩn, với khoảng 12 tiểu thương buôn bán cố định các mặt hàng chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của người dân.

g) Bưu điện

- Hiện có 1 bưu điện văn hóa đạt chuẩn với diện tích 50 m² (khuôn viên 470,8 m²) hiện đang hoạt động và phục vụ nhu cầu người dân.

h) Nhà ở dân cư nông thôn

- Theo thống kê hiện nay, toàn xã không còn nhà tạm và dột nát. Tỷ lệ nhà kiên cố và bán kiên cố 100%.

3. Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất

a) Kinh tế

- Cơ cấu kinh tế xã theo hướng: Nông nghiệp: 45%, Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp: 35%, Thương mại - dịch vụ: 20%;

- Cơ cấu ngành nông nghiệp: Trồng trọt: 55%, Chăn nuôi: 44%, Thủy sản: 1%.

- Thu nhập bình quân/đầu người/năm: 19,4 triệu đồng.

- Tỷ lệ hộ nghèo: theo tiêu chí thành phố dưới 12 triệu đồng/người/năm là 177 hộ, chiếm 5,5% tổng số hộ toàn xã.

b) Tỷ lệ lao động có việc làm

- Tỷ lệ lao động có việc làm 6.942 lao động, chiếm 85%.

c) Hình thức tổ chức sản xuất

- Số trang trại: 23 trang trại;

- Số doanh nghiệp: 20 doanh nghiệp;

- Toàn xã có 2 tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả.

4. Văn hóa, xã hội và môi trường

a) Giáo dục

- Về công tác phổ cập giáo dục: Công tác phổ cập chống mù chữ năm 2012, cụ thể:

+ Tỷ lệ phổ cập giáo dục trung học là 70,7%.

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) trong năm 2012 là 97%.

+ Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo 3.679 lao động, chiếm 45%.

+ Tỷ lệ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ dưới 5 tuổi là 100%.

+ Xóa mù chữ theo quy định của ngành giáo dục đào tạo: Đạt.

b) Y tế

- Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia phục vụ tốt nhu cầu chăm lo sức khỏe cho nhân dân địa phương.

- Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế 6.086 người, chiếm 51,38%.

- Mức giảm tỷ lệ sinh bình quân/năm là 13,05%.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng 0,4%.

c) Văn hóa

- Năm 2012 xã có 6/6 ấp được công nhận đạt chuẩn ấp văn hóa, đạt tỷ lệ 100%.

d) Môi trường

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: là 2.973 hộ, chiếm 92%.

- Tỷ lệ hộ có đủ 03 công trình (nhà tắm, hố xí, bể nước) đạt chuẩn: trong những năm trở lại đây, đời sống của người dân được nâng cao, nhu cầu xây dựng nhà ở ngày càng nhiều nên có trên 90% số hộ đều có đủ 3 công trình kể trên.

- Tỷ lệ hộ có cơ sở chăn nuôi hợp vệ sinh: có 80%.

- Xử lý chất thải: Toàn xã có 1.599 hộ dân, trong đó 49,49% số hộ có đăng ký thu gom rác (dân lập và thu rác công cộng), 50,51% số hộ còn lại phải tự tiêu hủy theo hình thức chôn và đốt tại nhà.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn môi trường: có 85%.

- Nghĩa trang: Hiện trên địa bàn xã có 10 nghĩa trang nhưng chưa được quy hoạch, chưa có cơ chế quản lý.

5. Hệ thống chính trị và tình hình an ninh trật tự - xã hội

a) Hệ thống chính trị của xã

- Hệ thống chính trị của xã đạt chuẩn.

- Đảng bộ xã đạt trong sạch vững mạnh. Có đầy đủ các tổ chức chính trị - xã hội. Các tổ chức hoạt động ổn định.

- Đảng bộ xã có 205 đảng viên.

- Đội ngũ công chức của UBND xã: 39 người.

b) Tình hình an ninh trật tự xã hội trên địa bàn

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn luôn được giữ vững, thực hiện tốt kế hoạch tấn công các loại tội phạm. Bảo vệ tốt các ngày lễ, tết, quản lý tốt việc đăng ký tạm trú, tạm vắng trên địa bàn.

- Xây dựng 100% ấp không có tội phạm ẩn náu hoạt động, có tội phạm phát hiện nhanh. Quản lý tốt các đối tượng phạm pháp theo nghị định của Chính phủ.

Phần II

NỘI DUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI XÃ TRUNG LẬP HẠ - HUYỆN CỬ CHI ĐẾN NĂM 2015

I. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2015

1. Mục tiêu chung

Xây dựng xã Trung Lập Hạ trở thành xã nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa, thể hiện các đặc trưng: có kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn được nâng cao; có kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội hiện đại, có các hình thức sản xuất phù hợp, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển nhanh

công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ... nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở xã, ấp dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Xây dựng xã Trung Lập Hạ trở thành xã nông thôn mới theo phương pháp tiếp cận dựa vào nội lực và do cộng đồng địa phương làm chủ.

2. Mục tiêu cụ thể

* Hoàn thành 19/19 tiêu chí về nông thôn mới theo bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới theo từng giai đoạn cụ thể:

- Năm 2012: có 8/19 tiêu chí đạt chuẩn (3, 4, 8, 9, 13, 16, 18, 19);

- Năm 2013: Phần đầu đạt 11/19 tiêu chí đạt chuẩn (thêm 3 tiêu chí: 1, 12, 17);

- Năm 2014: Phần đầu đạt 16/19 tiêu chí đạt chuẩn (thêm 5 tiêu chí: 5, 6, 7, 11, 15);

- Năm 2015: Phần đầu đạt 19/19 tiêu chí đạt chuẩn (thêm 3 tiêu chí: 2, 10, 14).

* Nội dung thực hiện cụ thể:

- Hoàn thành Quy hoạch xây dựng nông thôn mới (Quy hoạch sử dụng đất; Quy hoạch sản xuất: quy hoạch sản xuất nông nghiệp, quy hoạch sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ; Quy hoạch xây dựng).

- Thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2015 gấp 1,5 - 1,8 lần so với khi xây dựng đề án (không thấp hơn 37 triệu đồng).

- Cơ cấu kinh tế chuyên dịch theo hướng: Công nghiệp - Nông nghiệp - dịch vụ theo tỷ lệ: 45% - 35% - 20%.

- Đào tạo nghề: Phần đầu đến năm 2015 tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm 70% trong đó lao động nữ chiếm 40%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70% trong đó lao động nữ chiếm 40%.

- Tỷ lệ lao động có việc làm đạt 90% (trừ lao động trong độ tuổi đang đi học tập trung tại các trường trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học theo quy định).

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn thành phố (dưới 12 triệu đồng/người/năm): giảm bình quân 1,8%/năm (Đến cuối năm 2015 không còn hộ nghèo).

- Chuyên dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiệu quả cao, an toàn vệ sinh dịch bệnh.

- Xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn với chất lượng bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản.

- Nâng cấp và cải tạo các tuyến kênh mương nội đồng đảm bảo tốt cho phục vụ sản xuất của người dân.

- Kiên cố hóa trường, lớp, hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất trong hệ thống trường học, tiến tới hiện đại hóa các phương tiện dạy học.

- Duy trì và phát triển đời sống văn hóa ở nông thôn với 6/6 ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa, tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 98%.

II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Quy hoạch

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 1 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện: Việc quy hoạch xây dựng nông thôn mới phải theo Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTNMT ngày 28 tháng 10 năm 2011 của liên Bộ Xây dựng - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch xã xây dựng nông thôn mới.

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn

a) Giao thông

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện:

+ Đường giao thông trục ấp, liên ấp: Mở rộng, nâng cấp 8 tuyến đường với chiều dài 13,302km.

+ Đường ngõ, xóm: Mở rộng và nâng cấp 9 tuyến đường với chiều dài 2,665km

b) Thủy lợi:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 3 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện: Làm mới 4 tuyến kênh: N25.2.9.2, N31A.5, N31A-9A-9A1, N31A-2D-2.2.4 với chiều dài: 4,695 km.

c) Điện

- Mục tiêu: Duy trì - nâng chất tiêu chí số 4 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Lắp đặt mới 5 trạm biến áp (tổng dung lượng: 1400KVA) và 2,97 km đường dây hạ thế.

+ Nâng cấp 43 trạm biến áp (tổng dung lượng: 1825KVA) và 0,3 km đường dây hạ thế.

d) Trường học

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Xây mới 1 trường mầm non bán trú Trung Lập Hạ tại ấp Xóm Mới.

+ Nâng cấp trường Trung học cơ sở Trung Lập hạ tại ấp Xóm Mới: cung cấp thêm trang thiết bị; xây mới 6 phòng chức năng.

+ Nâng cấp 2 phân hiệu trường mầm non Trung Lập Hạ tại ấp Trảng Lắm và ấp Đồn.

đ) Cơ sở vật chất văn hóa

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Thực hiện theo chủ trương Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi việc xây dựng nhà văn hóa phải được thực hiện theo quy hoạch nhà văn hóa cụm. Xã Trung Lập Hạ sinh hoạt cụm văn hóa Phước Thạnh, Thái Mỹ, Trung Lập Hạ. Tuy nhiên, xã vẫn tiếp tục giành quỹ đất công 2,2ha tại ấp Xóm Mới để phục vụ nhu cầu xây dựng nhà văn hóa giai đoạn sau năm 2015 (theo hướng dẫn 4128/BVHTTDL-VHCS ngày 20 tháng 11 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

+ Xây dựng mới Văn phòng ấp kết hợp với tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp Gia Bẹ và Trảng Lắm.

+ Nâng cấp, sửa chữa Văn phòng ấp kết hợp với tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp Trung Hòa, Xóm Mới, Lò Táo Trung và Đồn.

e) Chợ nông thôn

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 7 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện: Chinh trang, sửa chữa, nâng cấp các sạp tại chợ, đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng cháy, chữa cháy; Đảm bảo an ninh trật tự tại khu vực chợ.

g) Bưu điện

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện: nâng cấp và sửa chữa 1 bưu điện văn hóa xã. Tăng cường đưa công nghệ thông tin về đến các ấp trong xã thông qua đầu tư xây dựng đường truyền Internet tốc độ cao, bổ sung dung lượng. Xây dựng và nhân rộng mô hình truy cập thông tin trên mạng Internet cho các tổ hợp tác sản xuất, hợp tác xã nông nghiệp hướng tới mỗi nhà nông một website.

h) Nhà ở dân cư nông thôn

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Chính trang nhà ở dân cư đạt 10 - 15%

+ Vận động và tuyên truyền người dân có nhu cầu xây nhà mới; sửa chữa nhà thực hiện đúng quy định về kiến trúc nhà ở dân cư phù hợp với nông thôn ven đô.

3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất

a) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp phấn đấu đạt tỷ lệ 45%.

Tăng 200 ha về quy hoạch sản xuất công nghiệp. Hiện đã có ban quản lý đầu tư khu công nghiệp Tây Bắc. Định hướng tiểu thủ công nghiệp phát triển về các ngành nghề: Bánh phở, mây đan, sửa chữa cơ khí,...

+ Nông nghiệp phấn đấu đạt tỷ lệ 35%, trong đó:

Chăn nuôi: 50%. Duy trì và phát triển thêm đàn bò sữa thành 1.200 con, bò thịt 1.800 con, heo 7.000 con.

Trồng trọt: 48%. Đẩy nhanh chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng nền tăng diện tích rau an toàn lên thành 368 ha, duy trì diện tích bắp lai hàng năm đạt 70 ha, cải tạo và mở rộng vườn cây ăn trái lên 151 ha, hoa lan cây kiểng tăng thêm 5,5 ha.

Thủy sản: 2%. Phát triển thêm 16 ha diện tích nuôi trồng (hiện có 14 ha đang nuôi trồng thủy sản). Chủ yếu nuôi cá Hường, cá Trê lai, cá lóc, cá kiểng (6.000 m²),...

+ Dịch vụ phần đầu đạt tỷ lệ 20%: Kinh doanh buôn bán nhỏ (chủ yếu), cho thuê áo cưới, Internet, may mặc, làm tóc,...

b) Giảm nghèo và an sinh xã hội

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí quốc gia và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

- Nội dung thực hiện:

+ Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện phần đầu đến năm 2015 hoàn thành chỉ tiêu giảm nghèo theo tiêu chí mới của thành phố, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 2% vào năm 2015.

+ Thực hiện các chương trình an sinh xã hội:

* Tiếp tục thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng chính sách xã hội; hỗ trợ người lao động mất việc làm trong doanh nghiệp gặp khó khăn do suy giảm kinh tế; hỗ trợ kinh phí xóa nhà tạm cho người nghèo; khám chữa bệnh cho người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi; chính sách cho người có công...

* Tăng cường thực hiện chức năng giám sát phản biện xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần đảm bảo các chính sách an sinh xã hội của Nhà nước thực sự hỗ trợ được người nghèo và các đối tượng chính sách.

c) Tỷ lệ lao động có việc làm

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 12 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Địa phương liên kết chặt chẽ với trường dạy nghề trên địa bàn huyện và với các doanh nghiệp nhằm có định hướng đào tạo công nhân kỹ thuật để giải quyết lao động.

+ Đào tạo nghề cấp chứng chỉ, tập huấn kỹ thuật sản xuất cho nông dân, kỹ năng khuyến nông cho cán bộ khuyến nông cơ sở, nông dân giỏi.

+ Đẩy mạnh hợp tác, liên kết giữa các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp, Trường đại học, Viện nghiên cứu... với nông dân, hộ sản xuất trong công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, giống mới, công nghệ sau thu hoạch.

+ Đào tạo và nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp của xã.

d) Hình thức tổ chức sản xuất

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 13 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Tuyên truyền, vận động nhằm giúp người nông dân nắm bắt được chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế tập thể.

+ Bồi dưỡng, đào tạo: các chức danh tổ trưởng tổ hợp tác, chủ nhiệm, ban quản trị phải được nâng cao về năng lực quản lý.

+ Hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu như trang thiết bị phục vụ thông tin liên lạc, đào tạo, trao đổi, cập nhật thông tin (điện thoại, máy fax, máy vi tính, máy in).

* Hỗ trợ để mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất - kinh doanh, dịch vụ của các tổ chức kinh tế Tổ hợp tác, Hợp tác xã thông qua:

* Hỗ trợ điều kiện sản xuất như kho chứa, nhà sơ chế - bảo quản, công nghệ, thực hiện chế biến nông sản.

* Hỗ trợ kỹ thuật: tạo điều kiện cho xã viên tiếp cận và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh, nhằm tăng năng suất chất lượng sản phẩm và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần.

* Hỗ trợ về thông tin thị trường và xúc tiến thương mại.

* Tham quan học tập mô hình sản xuất hiệu quả.

4. Giáo dục, y tế, văn hóa và môi trường

a) Giáo dục

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 14 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Xã phối hợp với các đoàn thể nắm bắt các trường hợp trẻ em bỏ học và kịp thời có sự hỗ trợ, động viên các em đến trường. Đảm bảo 100% trẻ em trong độ tuổi đến trường được học tập. Đồng thời, vận động các nguồn tài trợ để nâng cao số lượng và chất lượng các suất học bổng khuyến học giành cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn và có thành tích học tốt.

+ Quan tâm đào tạo nghề cho người lao động, dưới nhiều hình thức và ngành nghề phù hợp với đặc thù địa phương.

+ Phân nguồn lao động trên địa bàn xã thành 3 nhóm và đưa ra những hình thức đào tạo cụ thể cho từng nhóm lao động: nhóm chuyển dịch lao động ra khỏi sản xuất nông nghiệp; nhóm lao động trong lĩnh vực nông nghiệp và nhóm là chủ các doanh

nghiệp đóng trên địa bàn xã. Bên cạnh việc đào tạo theo trường lớp cần mở rộng hình thức trao đổi, đối thoại, giao lưu giữa các tổ ngành nghề với doanh nghiệp.

b) Y tế

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW về củng cố, tăng cường và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở; phát triển mạng lưới nhân viên sức khỏe cộng đồng; phát huy vai trò mạng lưới y tế cơ sở trong chăm sóc y tế cho người nghèo.

+ Hỗ trợ các hình thức bảo hiểm y tế theo quy định.

c) Xây dựng đời sống văn hóa phong phú lành mạnh

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 16 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Đẩy mạnh, tăng cường công tác tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức của cán bộ hội, đoàn thể của xã và nhân dân về ý nghĩa của phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, làm cho phong trào càng phát triển sâu rộng, góp phần làm chuyển biến tích cực đến đời sống kinh tế, xã hội trên địa bàn.

+ Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 12 tháng 8 năm 1998 của Bộ Chính trị và quy chế thực hiện văn minh trong tiệc cưới, lễ tang, lễ hội... Thực hiện tốt chính sách về người nghèo...

+ Triển khai dần từng bước nâng cao chất lượng các phong trào: gia đình văn hóa, ấp văn hóa, gương người tốt, việc tốt.

d) Bảo vệ và phát triển môi trường nông thôn

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, vận động người dân thực hiện tốt các quy định về vệ sinh môi trường và phòng chống ô nhiễm môi trường sản xuất (nông nghiệp và ngành nghề nông thôn). Thường xuyên thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường trên địa bàn xã và có kế hoạch giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường.

+ Đẩy mạnh công tác kiểm tra môi trường, kịp thời phát hiện những yếu tố gây nguy hại tới môi trường và sức khỏe người dân, đặc biệt là lao động và đề xuất cơ

chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển sản xuất theo hướng sạch, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

+ Vận động triển khai tổ chức “Hội thi môi trường Xanh - Sạch - Đẹp”, kết hợp trồng cây xanh trên các trục đường đã được quy hoạch trên mô xã.

+ Tuyên truyền về nước sạch và vệ sinh môi trường trong cộng đồng dân cư và vận động nhân dân định kỳ tổng vệ sinh trên địa bàn toàn xã.

5. Hệ thống chính trị và an ninh trật tự xã hội

a) Củng cố, nâng cao chất lượng và vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 18 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Tổ chức đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức đạt chuẩn để không ngừng đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Cán bộ xã đạt chuẩn phải đảm bảo tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã và phải hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 và Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nội vụ.

+ Cán bộ xã đạt chuẩn phải đảm bảo tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã; Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”; Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên theo quy định của từng tổ chức.

+ Thực hiện các chính sách khuyến khích, thu hút cán bộ trẻ đã được đào tạo, đủ tiêu chuẩn về công tác ở các xã để nhanh chóng chuẩn hoá đội ngũ cán bộ xã;

+ Hoàn thiện bộ máy chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng nông thôn mới, tiếp tục đổi mới thiết chế dân chủ cơ sở, củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở nông thôn. Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng đội ngũ cán bộ địa phương có đủ kiến thức, năng lực và phẩm chất đạo đức để vận hành tốt nhiệm vụ.

b) An ninh chính trị và trật tự xã hội nông thôn

- Mục tiêu: Duy trì đạt yêu cầu tiêu chí số 19 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ An ninh xã hội tiếp tục được giữ vững, ổn định. Thực hiện có hiệu quả các chương trình hành động của Huyện ủy về tăng cường lãnh đạo đấu tranh phòng chống tội phạm, thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng “âm mưu diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, đảm bảo giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, thường xuyên phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc;

+ Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước ở địa phương và vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, giải quyết tốt khiếu nại tố cáo, không xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người hoặc xảy ra điểm nóng.

III. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN:

A. Tổng kinh phí đầu tư, hỗ trợ để thực hiện Đề án nông thôn mới xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, dự kiến: 226.148 triệu đồng, gồm:

1. Vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản: **107.237 triệu đồng** (chiếm 47,41%).
2. Vốn sự nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động trên địa bàn xã: 118.911 triệu đồng (chiếm 52,59%).

B. Nguồn vốn

1. Vốn từ Ngân sách nhà nước: **96.270 triệu đồng**, chiếm 42,57 %; trong đó:
 - + Vốn nông thôn mới: 68.099 triệu đồng, chiếm 30,11%.
 - + Vốn lồng ghép: 28.171 triệu đồng:
 - * Vốn tập trung: 10.293 triệu đồng;
 - * Vốn phân cấp huyện: 0 triệu đồng;
 - * Vốn sự nghiệp: 17.878 triệu đồng.
 2. Vốn cộng đồng: **76.919 triệu đồng**, chiếm 34,01%; trong đó:
 - + Vốn dân: 47.832 triệu đồng;
 - + Vốn doanh nghiệp: 29.087 triệu đồng.
 3. Vốn tín dụng: **52.960 triệu đồng**.
- * Vốn đầu tư các nguồn được xác định cụ thể theo chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện đề án: từ nay đến hết năm 2015.

2. Quy mô và khối lượng thực hiện: theo các biểu đính kèm.

3. Phương châm và nguyên tắc đầu tư, hỗ trợ

- Phát huy nội lực của địa phương là chính, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ sự hỗ trợ của Trung ương và Thành phố, đáp ứng nhu cầu đầu tư, giúp đỡ của các doanh nghiệp.

- Phát huy dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư, khẩn trương, đồng bộ và chặt chẽ trong thủ tục hành chính và đầu tư.

a) Cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

b) Quản lý đầu tư và xây dựng

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Vận dụng theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

4. Phân công thực hiện

a) Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Ủy ban nhân dân xã Trung Lập Hạ, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Trung Lập Hạ:

- Tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân, Đảng viên, cán bộ, công chức quán triệt chủ trương của Trung ương và thành phố về chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới tại xã; vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia và đóng góp hỗ trợ để thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Thực hiện theo đúng nội dung của Đề án được phê duyệt, không được thay đổi nội dung của Đề án khi chưa được chấp thuận của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phân công các Phòng, ban, đơn vị chức năng của huyện, cán bộ chuyên môn của xã tham gia, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Trung Lập Hạ xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đề án giai đoạn 2012 - 2015, xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm đảm bảo tiến độ và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

b) Các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố

- Phân công cán bộ, công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn xã.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và thành phố do Sở, ngành phụ trách trên địa bàn xã.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Trung Lập Hạ và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Trung Lập Hạ triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo Đề án được phê duyệt.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn, hoàn tất thẩm định quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch hạ tầng thiết yếu (theo phân công, phân cấp) của huyện Củ Chi và xã Trung Lập Hạ; tổ chức giám sát việc công bố, công khai các quy hoạch được phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Trung Lập Hạ cân đối, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết và bố trí vốn ngân sách tập trung, vốn phân cấp hàng năm (2013 - 2015), đảm bảo tiến độ đầu tư, hoàn thành các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Trung Lập Hạ.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc nhà nước, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới Trung Lập Hạ, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên để thực hiện các hoạt động, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Trung Lập Hạ.

c) Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi; định kỳ hàng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện; tham mưu, đề xuất, giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện; chuẩn

bị hồ sơ, tài liệu để thành phố tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng